CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Tập Đoàn Sao Mai

Ngày 30/09/2025	8,900 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	18.5%	**31.4%**	**24.4%**

DT thuần
Q3/25
2,633
tỷ VNĐ
QoQ: ▼721| -21.5%
YoY: ▼586| -18.2%

LN thuần
Q3/25
69.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 2.40| 3.6%
YoY: ▼26.1| -27.3%

LN sau thuế
Q3/25
34.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▼6.60| -15.8%
YoY: ▼36.3| -50.9%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
7.3%
YoY: +/-▼ 0.4%

ROE (TTM)
Q3/25
0.4%
YoY: +/-▼ 0.5%

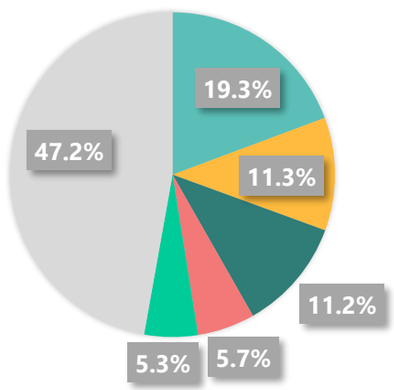
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	5,355 - 8,518
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,295
Số lượng CPLH (CP)	370,178,250
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,799,480
Sở hữu nước ngoài	12.6%
Beta	1.18
EPS	85
P/E	104.1

DT thuần
9T 2025
8,702
tỷ VNĐ
YoY: ▼445| -4.9%

LN thuần
9T 2025
180
tỷ VNĐ
YoY: ▼122| -40.4%

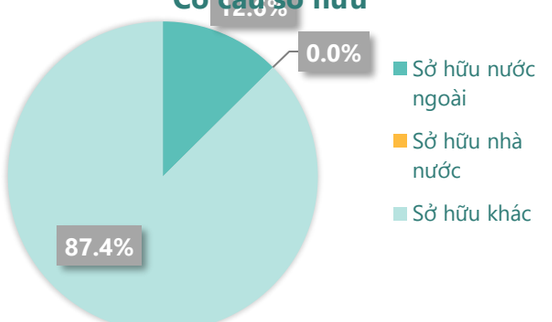
LN sau thuế
9T 2025
114
tỷ VNĐ
YoY: ▼139| -54.8%

Cơ cấu cổ đông



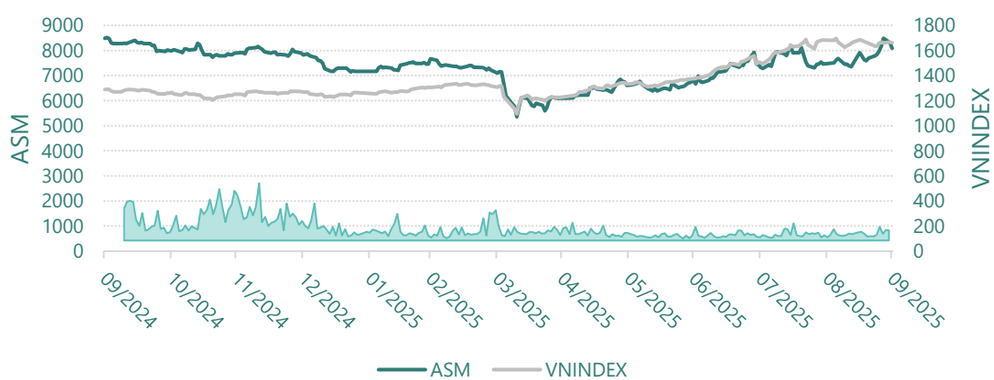
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



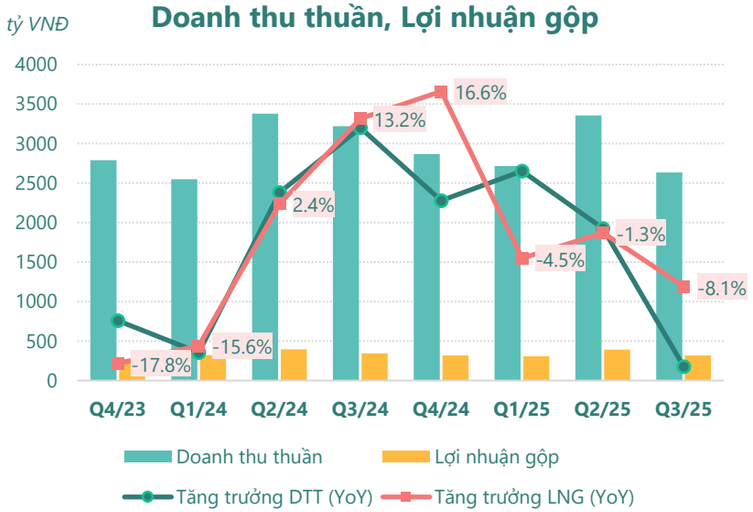
(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



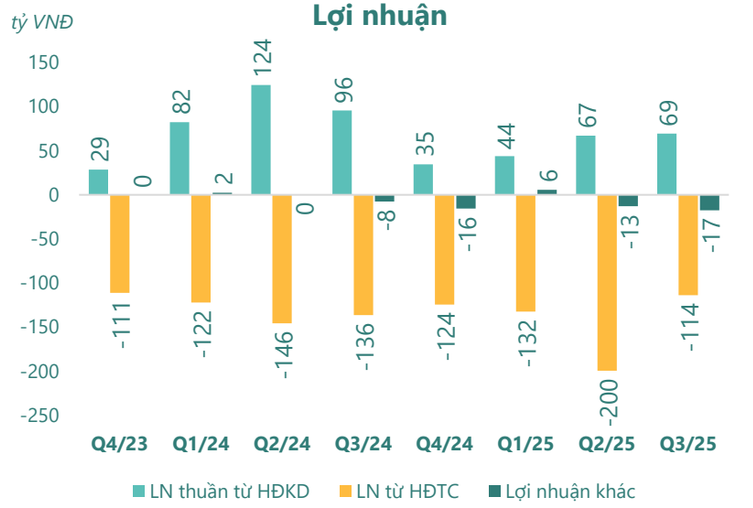
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



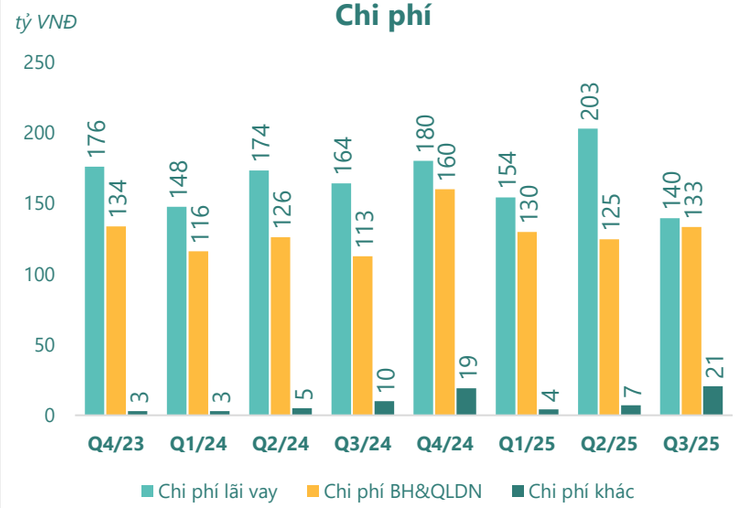
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



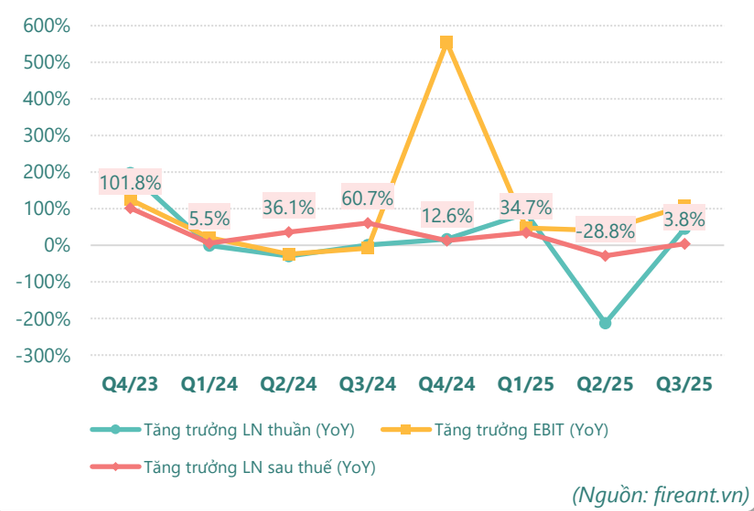
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



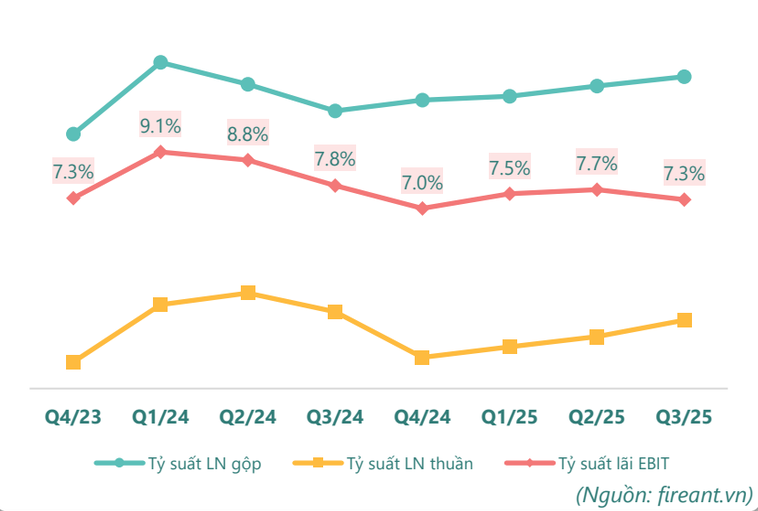
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



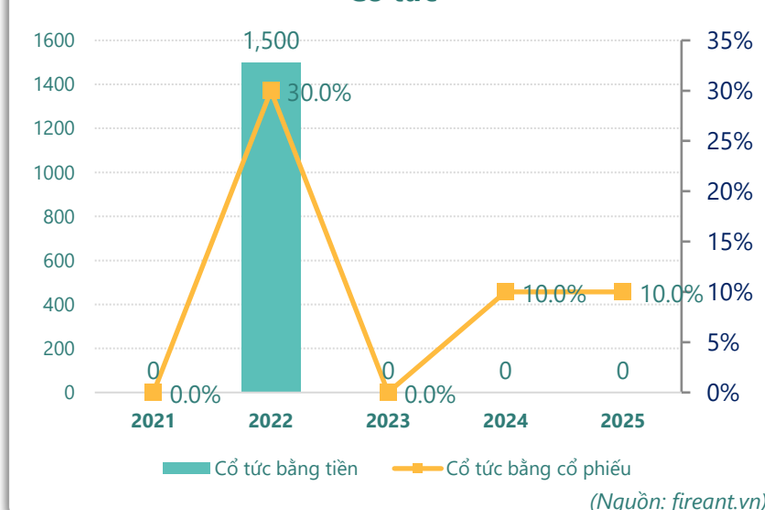
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

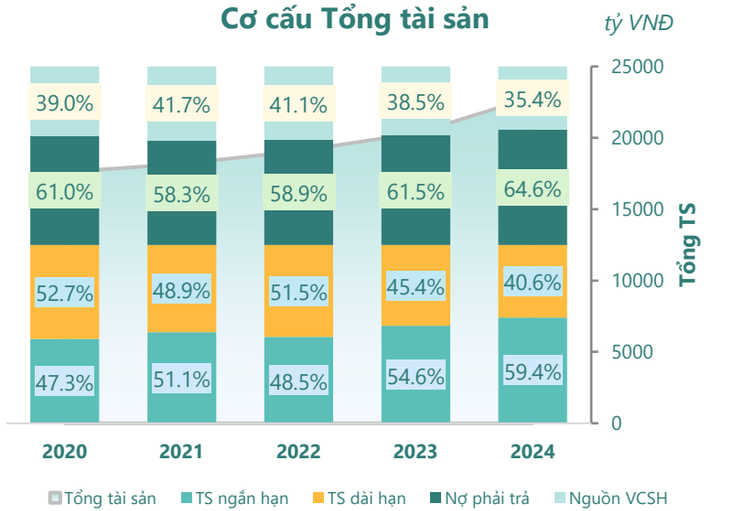
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

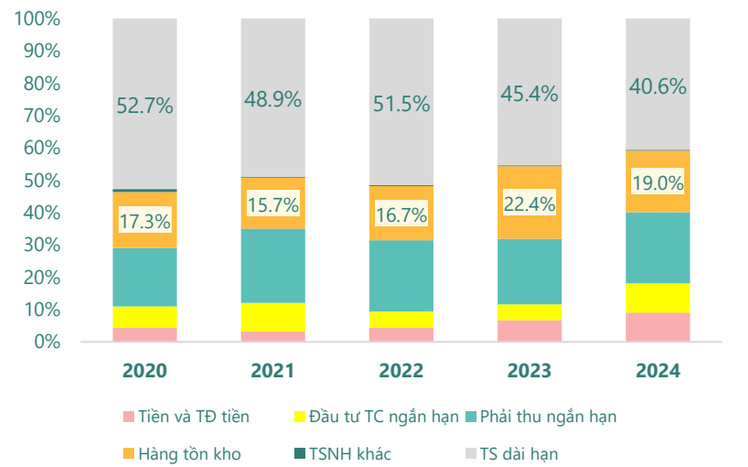
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



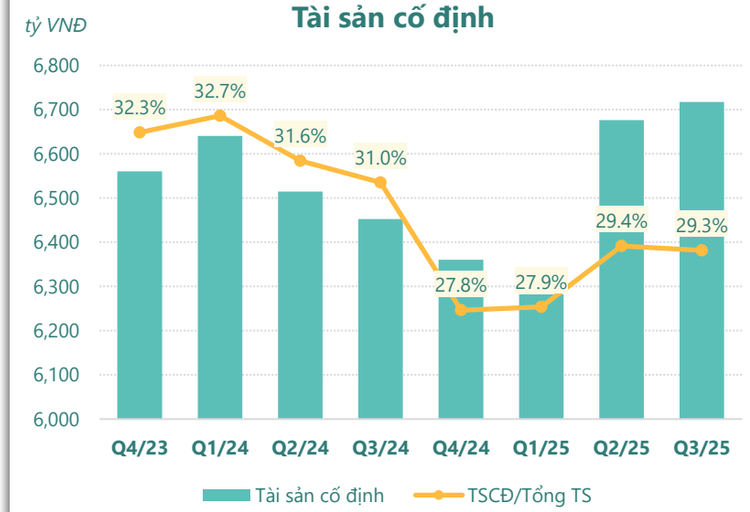
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



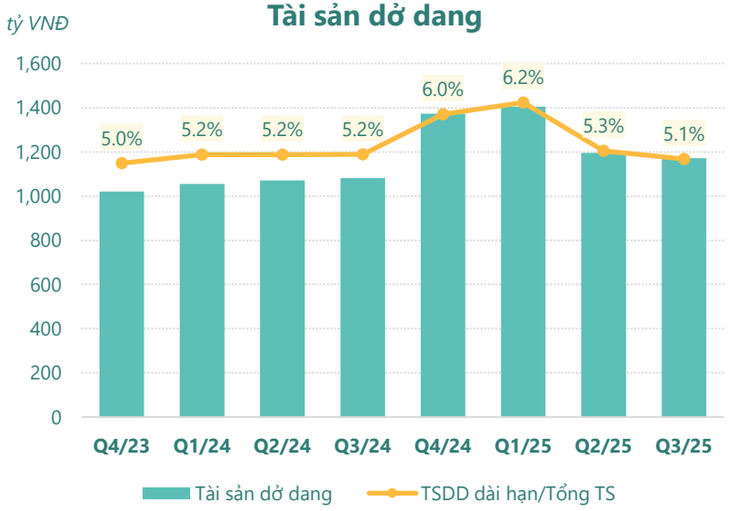
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



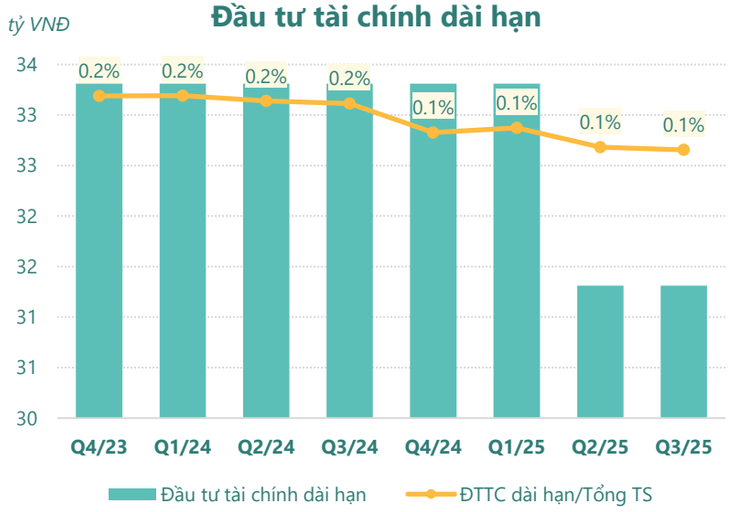
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



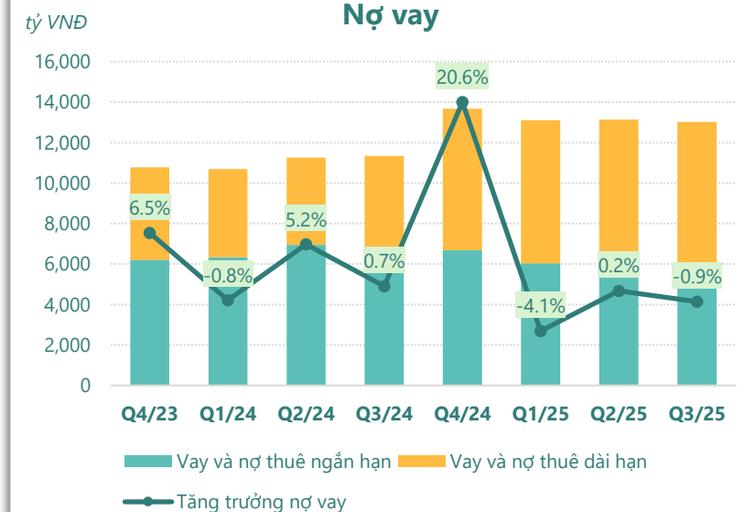
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

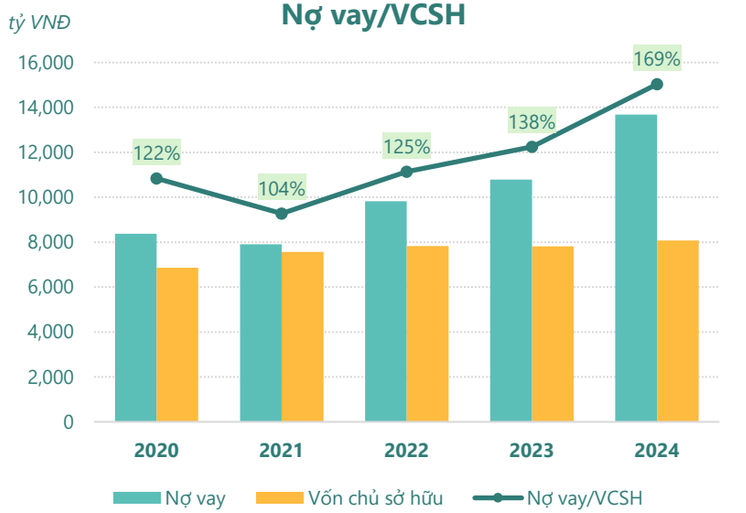
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

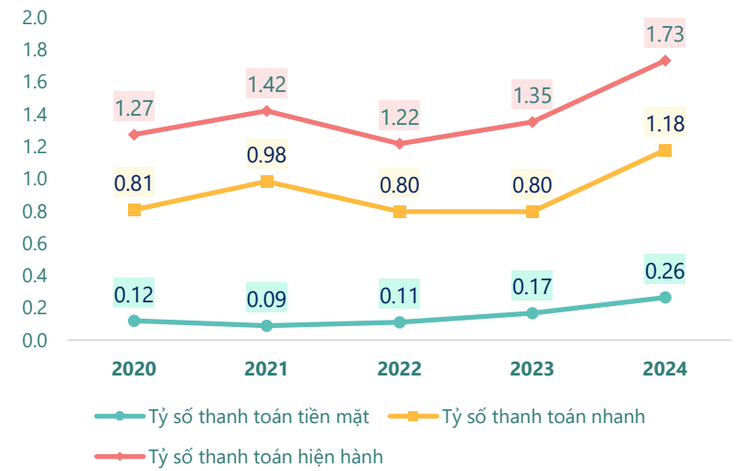
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



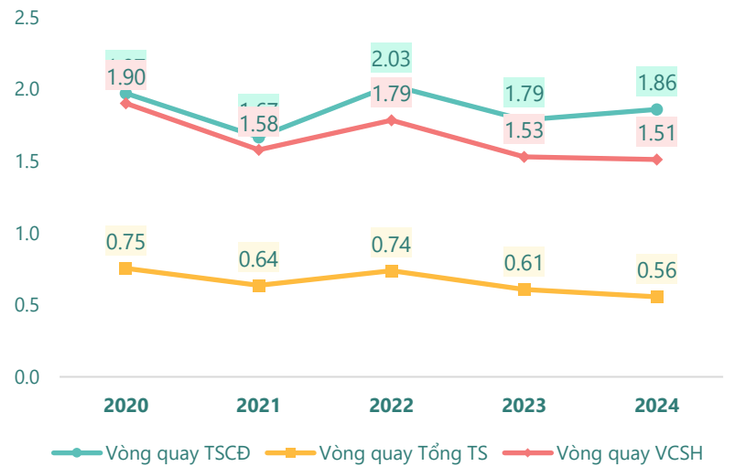
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



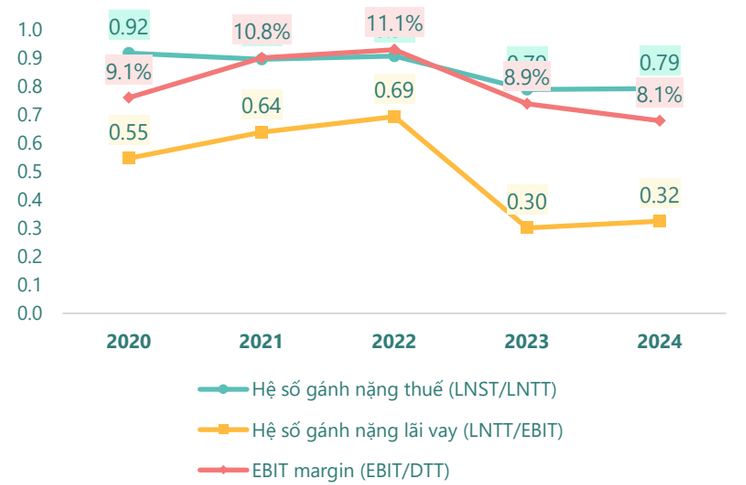
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



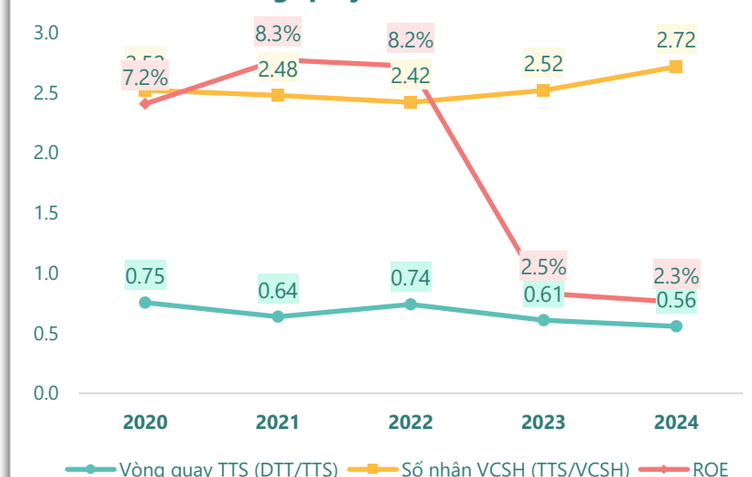
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



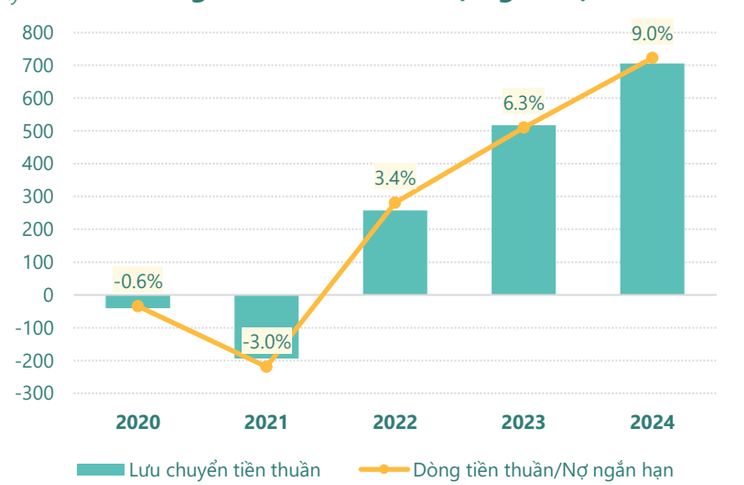
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**2,633**	**3,219**	**-18.2%**	**8,702**	**9,147**	**-4.9%**
Giá vốn hàng bán	2,316	2,875	-19.4%	7,688	8,085	-4.9%
Lợi nhuận gộp	317	345	-8.2%	1,014	1,062	-4.5%
Doanh thu HĐTC	36.7	38.7	-5.1%	147	117	25.2%
Chi phí TC	151	175	-13.9%	593	522	13.6%
Chi phí lãi vay	140	164	-14.8%	497	486	2.4%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	55.1	56.4	-2.2%	150	155	-3.5%
Chi phí QLDN	**78.3**	**56.2**	**39.2%**	**238**	**200**	**19.2%**
LN thuần từ HĐKD	69.5	95.6	-27.3%	180	302	-40.4%
Lợi nhuận khác	**-17.4**	**-7.70**	**-126%**	**-24.4**	**-5.27**	**-363%**
LN trước thuế	52.1	87.9	-40.8%	156	297	-47.5%
Lợi nhuận sau thuế	**34.9**	**71.2**	**-50.9%**	**114**	**253**	**-54.8%**
LNST của CĐ cty mẹ	**11.4**	**49.3**	**-76.9%**	**45.0**	**196**	**-77.1%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-288	-129	-30.6	-116	285	16.0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-187	-27.3	-849	-781	143	-195
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	541	93.2	2,290	-575	-25.5	-109
Tiền đầu kỳ	657	724	660	2,070	599	1,001
Lưu chuyển tiền thuần	**66.1**	**-63.2**	**1,410**	**-1,472**	**403**	**-288**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.01	0.02	-0.44	0	-0.25	0.27
Tiền cuối kỳ	724	660	2,070	599	1,001	713

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**22,932**	**22,856**	**0.3%**
Tài sản ngắn hạn	13,598	13,567	0.2%
Tiền và tương đương tiền	713	2,070	-65.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2,569	2,065	24.4%
Phải thu ngắn hạn	5,609	5,032	11.5%
Hàng tồn kho	4,649	4,336	7.2%
Tài sản ngắn hạn khác	58.7	63.4	-7.4%
Tài sản dài hạn	**9,334**	**9,290**	**0.5%**
Phải thu dài hạn	32.3	32.9	-1.9%
Tài sản cố định	6,717	6,358	5.7%
Bất động sản đầu tư	438	509	-13.9%
Tài sản dở dang	1,171	1,373	-14.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	31.3	33.3	-6.0%
Tài sản dài hạn khác	**652**	**644**	**1.2%**
Lợi thế thương mại	292	339	-13.8%
Nợ phải trả	14,743	14,768	-0.2%
Nợ ngắn hạn	**7,685**	**7,831**	**-1.9%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	5,982	6,759	-11.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	732	465	57.5%
Nợ dài hạn	7,059	6,938	1.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	7,037	6,917	1.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**8,189**	**8,088**	**1.3%**
Vốn chủ sở hữu	**8,176**	**8,077**	**1.2%**
Vốn điều lệ	3,702	3,702	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**13.1**	**10.3**	**27.7%**

(Nguồn: fireant.vn)